



PHỤ LỤC II
BỔ SUNG DANH MỤC VÀ KẾ HOẠCH ĐẦU TƯ CÔNG NĂM 2026 VỐN NGÂN SÁCH TỈNH QUẢN LÝ
(Kèm theo Nghị quyết số /NQ-HĐND ngày tháng 6 năm 2026 của Hội đồng nhân dân tỉnh Cà Mau)

DVT: Triệu đồng

STT	Danh mục nhiệm vụ, dự án	Mã dự án	Địa điểm mở tài khoản dự án	Mã ngành kinh tế	Nhóm dự án	Địa điểm đầu tư	Quy mô đầu tư	Quyết định chủ trương đầu tư				Quyết định đầu tư				Năm đầu tiên bỏ tri vốn đầu tư (không bao gồm năm bỏ tri vốn chuẩn bị đầu tư)	Lấy kế vốn đã bỏ tri và giải ngân đến hết năm 2025		Nhu cầu Kế hoạch đầu tư công trung hạn giai đoạn 2026 - 2030		Kế hoạch vốn năm 2026 đã bỏ tri		Điều chỉnh Kế hoạch vốn NS tỉnh quản lý năm 2026		Kế hoạch vốn năm 2026 sau điều chỉnh		Gia hạn thời gian bỏ tri vốn	Nguyên nhân điều chỉnh kế hoạch vốn	Chủ đầu tư	Ghi chú
								Số quyết định (.../QĐ-... ngày/tháng/năm)	Tổng mức đầu tư		Số quyết định (.../QĐ-... ngày/tháng/năm)	Tổng mức đầu tư		Tổng số (tất cả các nguồn vốn)	Trong đó: vốn NS tỉnh quản lý		Tổng số (tất cả các nguồn vốn)	Trong đó: vốn NS tỉnh quản lý	Tổng số (tất cả các nguồn vốn)	Trong đó, nguồn vốn tương ứng vốn Mục A, B, C	Tăng (+)	Giảm (-)	Tổng số (tất cả các nguồn vốn)	Trong đó, nguồn vốn tương ứng vốn Mục A, B, C						
									Tổng số (tất cả các nguồn vốn)	Trong đó: vốn NS tỉnh quản lý		Tổng số (tất cả các nguồn vốn)	Trong đó: vốn NS tỉnh quản lý												Tổng số (tất cả các nguồn vốn)	Trong đó, nguồn vốn tương ứng vốn Mục A, B, C				
1	2	3	4	5	6	7	8	9	10	11	12	13	14	15	16	17	18	19	20	21	22	23	24	25	26	27	28	29	30	
	TỔNG SỐ									1.720.638	1.409.766		1.717.473	1.383.312		647.733	456.535	977.745	858.356	281.079	156.893	152.893	152.893	281.079	156.893					
A	NGUỒN NGÂN SÁCH TẬP TRUNG DO TỈNH QUẢN LÝ									42.993	42.993		40.364	40.364		25.078	25.078	6.893	6.893	6.893	6.893	2.893	2.893	6.893	6.893					
I	GIAO THÔNG									1.993	1.993		1.993	1.993		1.364	1.364	493	493	0	0	493	0	493	493					
a	Danh mục đầu tư									1.993	1.993		1.993	1.993		1.364	1.364	493	493	0	0	493	0	493	493					
(1)	Các dự án chuyển tiếp hoàn thành năm 2026									1.993	1.993		1.993	1.993		1.364	1.364	493	493	0	0	493	0	493	493					
1	Dự án tuyến lộ bê tông Kênh Tân Lập nối dài (từ đoạn lộ bê tông hiện hữu đầu nối vào lộ cấp VI về Trung tâm xã Nguyễn Việt Khái)	8147399	Phòng Nghiệp vụ 2 - KBNN khu vực XX		C	Xã Nguyễn Việt Khái	1.059m	2025 - 2026	3908/QĐ-UBND ngày 04/12/2024; 701/QĐ-UBND ngày 16/3/2026	1.993	1.993	1073/QĐ-UBND ngày 28/4/2025; 572/QĐ-SXD ngày 09/6/2026	1.993	1.993	2025	1.364	1.364	493	493			493		493	493		Bổ sung danh mục và kế hoạch vốn để thanh toán khối lượng hoàn thành dự án	UBND xã Cái Đồi Vàm		
II	HẠ TẦNG ĐÔ THỊ									9.000	9.000		6.371	6.371		2.714	2.714	2.400	2.400	0	0	2.400	0	2.400	2.400					
a	Danh mục đầu tư									9.000	9.000		6.371	6.371		2.714	2.714	2.400	2.400	0	0	2.400	0	2.400	2.400					
(1)	Các dự án chuyển tiếp hoàn thành năm 2026									9.000	9.000		6.371	6.371		2.714	2.714	2.400	2.400	0	0	2.400	0	2.400	2.400					
1	Chỉnh trang đô thị vỉa hè (Bờ kè) tuyến Xóm Lung - Láng Tròn	8107369	Phòng Giao dịch số 16 - KBNN khu vực XX		C	Phường Láng Tròn	3.300m	2024 - 2026	2468/QĐ-UBND ngày 17/6/2024	9.000	9.000	3206/QĐ-UBND ngày 09/8/2024; 423/QĐ-SXD ngày 22/4/2026	6.371	6.371	2024	2.714	2.714	2.400	2.400			2.400		2.400	2.400		Bổ sung danh mục và kế hoạch vốn để thanh toán khối lượng hoàn thành dự án	UBND phường Giá Rai		
III	QUẢN LÝ NHÀ NƯỚC									32.000	32.000		32.000	32.000		21.000	21.000	4.000	4.000	6.893	6.893	0	2.893	4.000	4.000					
a	Danh mục đầu tư									32.000	32.000		32.000	32.000		21.000	21.000	4.000	4.000	6.893	6.893	0	2.893	4.000	4.000					
(1)	Các dự án chuyển tiếp hoàn thành năm 2026									32.000	32.000		32.000	32.000		21.000	21.000	4.000	4.000	6.893	6.893	0	2.893	4.000	4.000					
1	Dự án đầu tư sửa chữa, nâng cấp, xây dựng mới một số hạng mục công trình thuộc Khu làm việc Hội đồng nhân dân - Ủy ban nhân dân huyện Năm Căn	8056442	Phòng Nghiệp vụ 2 - KBNN khu vực XX	341	C	Xã Năm Căn	Công trình dân dụng	2024 - 2026	1246/QĐ-UBND ngày 17/7/2023; 2301/QĐ-UBND ngày 25/11/2024	32.000	32.000	2034/QĐ-UBND ngày 17/11/2023; 2375/QĐ-UBND ngày 04/12/2024	32.000	32.000	2024	21.000	21.000	4.000	4.000	6.893	6.893		2.893	4.000	4.000		Điều chỉnh phù hợp với công năng sử dụng của xã Năm Căn	UBND xã Năm Căn		
B	NGUỒN TÀNG THU XỔ SỔ KIẾN THIẾT NĂM 2025									1.677.645	1.366.773		1.677.109	1.342.948		622.655	431.457	970.852	851.463	274.186	150.000	150.000	150.000	274.186	150.000					
I	GIÁO DỤC ĐÀO TẠO VÀ GIÁO DỤC NGHỀ NGHIỆP									47.258	47.258		46.869	46.869		0	0	46.869	46.869	710	0	7.500	0	8.210	7.500					
a	Danh mục đầu tư									47.258	47.258		46.869	46.869		0	0	46.869	46.869	710	0	7.500	0	8.210	7.500					
(1)	Các dự án khởi công mới năm 2026									47.258	47.258		46.869	46.869		0	0	46.869	46.869	710	0	7.500	0	8.210	7.500					
1	Dự án nâng cấp, mở rộng công trình Trung tâm Hỗ trợ phát triển giáo dục hòa nhập tỉnh Cà Mau (nay là Trường giáo dục chuyên biệt tỉnh Cà Mau)	8188211	Phòng Nghiệp vụ 2 - KBNN khu vực XX	098	C	Phường Tân Thành	Cải tạo, xây dựng mới, mua sắm thiết bị dạy và học	2025 - 2027	211/QĐ-UBND ngày 21/01/2026	47.258	47.258	2062/QĐ-UBND ngày 04/6/2026	46.869	46.869	2026			46.869	46.869	710		7.500		8.210	7.500		Bổ sung danh mục và kế hoạch vốn để triển khai đầu tư dự án	Ban Quản lý dự án Xây dựng tỉnh Cà Mau		
II	Y TẾ, DÂN SỐ VÀ GIA ĐÌNH									482.429	482.429		482.429	482.429		285.914	285.914	144.300	144.300	0	0	47.300	0	47.300	47.300					

STT	Danh mục nhiệm vụ, dự án	Mã dự án	Địa điểm mô tả khoản dự án	Mã ngành kinh tế	Nhóm dự án	Địa điểm đầu tư	Quy mô đầu tư	Thời gian khởi công - hoàn thành	Quyết định chủ trương đầu tư			Quyết định đầu tư			Năm đầu tiên bỏ tri vốn đầu tư (không bao gồm năm bỏ tri vốn chuẩn bị đầu tư)	Lấy kế vốn đã bỏ tri và giải ngân đến hết năm 2025		Nhu cầu Kế hoạch đầu tư công trung hạn giai đoạn 2026 - 2030		Kế hoạch vốn năm 2026 đã bỏ tri		Điều chỉnh Kế hoạch vốn NS tính quản lý năm 2026		Kế hoạch vốn năm 2026 sau điều chỉnh		Gia hạn thời gian bỏ tri vốn	Nguyên nhân điều chỉnh kế hoạch vốn	Chủ đầu tư	Ghi chú
									Số quyết định (.../QĐ-... ngày/tháng/năm)	Tổng mức đầu tư		Số quyết định (.../QĐ-... ngày/tháng/năm)	Tổng mức đầu tư			Tổng số (tất cả các nguồn vốn)	Trong đó: vốn NS tính quản lý	Tổng số (tất cả các nguồn vốn)	Trong đó: vốn NS tính quản lý	Tổng số (tất cả các nguồn vốn)	Trong đó, nguồn vốn tương ứng vốn Mục A, B, C	Tăng (+)	Giảm (-)	Tổng số (tất cả các nguồn vốn)	Trong đó, nguồn vốn tương ứng vốn Mục A, B, C				
										Tổng số (tất cả các nguồn vốn)	Trong đó: vốn NS tính quản lý		Tổng số (tất cả các nguồn vốn)	Trong đó: vốn NS tính quản lý															
1	2	3	4	5	6	7	8	9	10	11	12	13	14	15	16	17	18	19	20	21	22	23	24	25	26	27	28	29	30
a	Danh mục đầu tư									482.429	482.429		482.429	482.429		285.914	285.914	144.300	144.300	0	0	47.300	0	47.300	47.300				
(1)	Các dự án chuyển tiếp hoàn thành năm 2026									346.833	346.833		346.833	346.833		273.314	273.314	22.300	22.300	0	0	22.300	0	22.300	22.300				
1	Dự án đầu tư hạ tầng chung các công trình lĩnh vực Y tế	7874567	Phòng Nghiệp vụ 2 - KBNN khu vực XX	132	B	P. Hòa Thành	3,52km	2021 - 2026	2379/QĐ-UBND ngày 09/12/2020; 2814/QĐ-UBND ngày 24/11/2022; 1765/QĐ-UBND ngày 06/9/2024; 692/QĐ-UBND ngày 14/3/2026	346.833	346.833	2004/QĐ-UBND ngày 29/9/2021; 2915/QĐ-UBND ngày 09/12/2022; 2150/QĐ-UBND ngày 31/10/2024; 2158/QĐ-UBND ngày 12/6/2026	346.833	346.833	2022	273.314	273.314	22.300	22.300			22.300		22.300	22.300		Bổ sung danh mục và kế hoạch vốn để thực hiện hạng mục phát sinh (dự án vượt thời gian bỏ tri vốn 01 năm, đã được Chủ tịch UBND tỉnh gia hạn thời gian bỏ tri vốn đến năm 2026 theo quy định tại điểm c khoản 3 Điều 57 Luật Đầu tư công năm 2024 tại Quyết định số 2194/QĐ-UBND ngày 16/6/2026)	Ban Quản lý dự án xây dựng công trình giao thông tỉnh Cà Mau	
(2)	Các dự án chuyển tiếp hoàn thành sau năm 2026									135.596	135.596		135.596	135.596		12.600	12.600	122.000	122.000	0	0	25.000	0	25.000	25.000				
1	Dự án nâng cấp Bệnh viện Quân - Dân y tỉnh Cà Mau	7004686	Phòng Nghiệp vụ 2 - KBNN khu vực XX	132	B	Phường Tân Thành	120 giường bệnh	2021 - 2028	2764/QĐ-UBND ngày 08/12/2021; 876/QĐ-UBND ngày 31/3/2026	135.596	135.596	2224/QĐ-UBND ngày 26/8/2022; 1992/QĐ-UBND ngày 30/5/2026	135.596	135.596	2023	12.600	12.600	122.000	122.000			25.000		25.000	25.000		Bổ sung danh mục và kế hoạch vốn để tiếp tục triển khai thực hiện dự án	Bộ Chỉ huy quân sự tỉnh Cà Mau	
III	NÔNG NGHIỆP, LÂM NGHIỆP, THỦY LỢI VÀ THỦY SẢN									142.436	107.436		142.436	107.436		90.826	55.826	43.845	43.845	0	0	43.845	0	43.845	43.845				
a	Danh mục đầu tư									142.436	107.436		142.436	107.436		90.826	55.826	43.845	43.845	0	0	43.845	0	43.845	43.845				
(1)	Các dự án chuyển tiếp hoàn thành năm 2026									142.436	107.436		142.436	107.436		90.826	55.826	42.000	42.000	0	0	42.000	0	42.000	42.000				
1	Dự án đầu tư xây dựng Bô kê chống sạt lở khu dân cư thị trấn Năm Căn, huyện Năm Căn, tỉnh Cà Mau (giai đoạn 1)	7005815	Phòng Nghiệp vụ 2 - KBNN khu vực XX	283	B	Xã Năm Căn	789m	2017 - 2026	11/QĐ-HĐND ngày 25/5/2017; 31/NQ-HĐND ngày 15/7/2021; 497/QĐ-UBND ngày 13/02/2026	142.436	107.436	1384/QĐ-UBND ngày 06/9/2014; 1764/QĐ-UBND ngày 30/10/2018; 2623/QĐ-UBND ngày 25/11/2021; 1799/QĐ-UBND ngày 20/5/2026	142.436	107.436	2017	90.826	55.826	42.000	42.000			42.000		42.000	42.000	2026	Dự án bắt đầu được bỏ tri vốn thực hiện đầu tư từ năm 2017, được gia hạn thời gian bỏ tri vốn đến năm 2024 tại Nghị quyết số 23/NQ-HĐND ngày 09/12/2022 của HĐND tỉnh và đến năm 2026 đã vượt thời gian bỏ tri vốn 06 năm theo quy định đối với dự án nhóm B. Tuy nhiên, do vướng công tác GPMB nên chưa thể triển khai thực hiện hoàn thành dự án. Đến nay dự án đã được cấp thẩm quyền điều chỉnh, tháo gỡ được các vướng mắc, nên chủ đầu tư đề nghị bổ sung danh mục và kế hoạch vốn để tiếp tục triển khai thực hiện hoàn thành dự án trong năm 2026, thuộc thẩm quyền gia hạn thời gian bỏ tri vốn của Hội đồng nhân dân tỉnh theo quy định tại điểm d khoản 3 Điều 57 Luật Đầu tư công năm 2024, được sửa đổi, bổ sung tại khoản 25 Điều 7 Luật số 90/2025/QH15 (Văn bản này, Chủ đầu tư đã có Báo cáo 250/BC-BQLNN ngày 05/6/2026 kiểm điểm, làm rõ trách nhiệm)	Ban Quản lý dự án công trình Nông nghiệp tỉnh Cà Mau	
(2)	Các dự án khởi công mới năm 2026									0	0		0	0		0	0	1.845	1.845	0	0	1.845	0	1.845	1.845				
1	Kế hoạch Phát triển kinh tế lâm nghiệp gắn với bảo vệ và phát triển rừng bền vững																	1.845	1.845			1.845		1.845	1.845		Bổ sung danh mục và kế hoạch vốn để thực hiện các dự án theo Quyết định số 1763/QĐ-UBND ngày 18/5/2026 của UBND tỉnh	UBND tỉnh phân bổ chi tiết khi các dự án đủ điều kiện theo quy định	
IV	GIAO THÔNG									862.255	705.772		862.108	682.336		245.915	89.717	592.571	592.571	4.087	0	27.477	0	31.564	27.477				
a	Danh mục đầu tư									862.255	705.772		862.108	682.336		245.915	89.717	592.571	592.571	4.087	0	27.477	0	31.564	27.477				
(1)	Các dự án chuyển tiếp hoàn thành năm 2026									271.637	115.154		271.637	91.865		245.915	89.717	2.100	2.100	0	0	2.100	0	2.100	2.100				

[illegible]